| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THỚI LAI**<br>THÀNH PHỐ CẦN THƠ<br>---------- | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**<br>---------- |

Bản án số: 216/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11/9/2017
V/v tranh chấp: *"Ly hôn và nuôi con chung*"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**
***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà ***Lê Thanh Trúc***

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông ***Lý Hồng Hạnh***

2/ Ông ***Lê Hoàng Long***

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông ***Nguyễn Cửu Trạng***, Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Lai tham gia phiên tòa*: Bà ***Ngô Thị Bích Tuyền*** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Thới Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn và nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2017/QĐXX-ST ngày 24 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Chị **Võ Thị N**, sinh năm 1985

HKTT: Ấp Định Thành, xã Định Môn, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

Tạm trú: Tổ 7, khu vực 4, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.

**Bị đơn:* Anh **Đoàn Thanh T**, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Định Thành, xã Định Môn, huyện Thới Lai, TP. Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn ngày 12 tháng 5 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Võ Thị N trình bày: Tôi và anh T tự tìm hiểu yêu thương và được cha mẹ hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào năm 2004. Vợ chồng sống hạnh

phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu và đánh bạc gây nợ nần. Tôi đã nhiều lần khuyên răn nhưng anh T vẫn không sửa đổi. Từ tháng 6/2016 thì chúng tôi sống ly thân. Nay tôi yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Thanh T.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Đoàn Thị Bảo T, nữ, sinh ngày 20/01/2006. Hiện nay, tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu, nếu cháu có nguyện vọng ở với tôi thì tôi không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Đoàn Thanh T trình bày: Tôi thống nhất với phần trình bày của N về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung, tài sản và nợ chung. Nay tôi còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn. Nếu phải ly hôn, về con chung, tôi tôn trọng nguyện vọng của con muốn sống với cha hay mẹ đều được.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu. Bị đơn vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án gửi thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát trễ so với quy định.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định;

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Đoàn Thanh T được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên áp dụng quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị N và anh Đoàn Thanh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 13/5/2004. Nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Về hôn nhân: Chị N và anh T chung sống từ năm 2004, anh chị sống hạnh phúc thời gian dài. Nhưng đến tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng mất lòng tin lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị N sống ly thân

với anh T cho đến nay. Tại phiên hòa giải, chị N và anh T thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là xuất phát từ anh T không chí thú làm ăn, anh T đánh bạc gây nợ nần, không chăm lo cuộc sống chung của vợ chồng, chị N đã nhiều lần khuyên răn nhưng anh T vẫn không sửa đổi nên mới cương quyết giữ yêu cầu xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn và yêu cầu đoàn tụ. Tại phiên tòa, anh T vắng mặt và chị N giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian sống ly thân cả hai không thể hiện thiện chí hàn gắn hôn nhân để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, nuôi dạy con chung, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ để xem xét chấp nhận và phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát.

Về con chung: Chị N và anh T có 01 con chung tên Đoàn Thị Bảo T, nữ, sinh ngày 20/01/2006. Từ khi chị N và anh T sống ly thân, cháu T được chị N trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T lại có nguyện vọng được ở với mẹ và tại phiên tòa giải anh T cũng thống nhất nên giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: đương sự khai không có nên không giải quyết.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

***Áp dụng***: Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị N được ly hôn với anh Đoàn Thanh T.

- Về con chung: Giao cháu Đoàn Thị Bảo T, nữ, sinh ngày 20/01/2006 cho chị Võ Thị N nuôi dưỡng. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Đoàn Thanh T, không ai có quyền cản trở anh T thực hiện quyền này.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Võ Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm; Chuyển tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 002022 ngày 22/5/2017 của Thi hành án dân sự huyện Thới Lai thành án phí phải nộp.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận***:
- TAND TPCT;
- VKS huyện;
- THA huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**Lê Thanh Trúc**